

Số: 379/QĐ - STNMT

Bắc Kạn, ngày 23 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC CÔNG BỐ HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống Nghiệp vụ theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống Nghiệp vụ theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Công văn số 3003/BKHHCN-TĐC ngày 25/09/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

Căn cứ Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về duy trì, áp dụng, cải tiến và xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Bắc Kạn năm 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 37/KH-STNMT ngày 20/5/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc chuyển đổi áp dụng từ Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 315/QĐ-STNMT ngày 09/9/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn phù hợp tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số: 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Ban chỉ đạo ISO, các phòng chuyên môn, đơn vị, công chức, viên chức thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

Gửi ban điện tư:

- Như điều 3 (t/h);

- Lưu: VT-HS. (Quang). ✓

GIÁM ĐỐC



Nông Văn Kỳ

**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG
CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 379/QĐ-STNMT ngày 23/10/2020
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Stt	Tên tài liệu	Mã hiệu
A	Thủ tục, hướng dẫn theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng	
1	Mô hình hệ thống quản lý chất lượng - Chính sách chất lượng - Mục tiêu chất lượng	
2	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu, hồ sơ)	HD.01
3	Hướng dẫn quản lý rủi ro, cơ hội	HD.02
4	Hướng dẫn đánh giá nội bộ	HD.03
5	Hướng dẫn kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	HD.04
B	Quy trình giải quyết TTHC	
I	Lĩnh vực đất đai (Phòng Đất đai)	
1	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	01/QTr-DD
2	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	02/QTr-DD
3	Cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	03/QTr-DD
4	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	04/QTr-DD
5	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà	05/QTr-DD

	nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	
6	Giao đất cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	06/QTr-DD
7	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (trường hợp công trình, dự án chỉ có đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn)	07/QTr-DD
8	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	08/QTr-DD
9	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức	09/QTr-DD
10	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	10/QTr-DD
11	Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	11/QTr-DD
12	Cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	12/QTr-DD
13	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp	13/QTr-DD
14	Gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ	14/QTr-DD
1	Lĩnh vực đất đai (Văn phòng Đăng ký)	Mã số
1	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	01/QTr-VPĐK
2	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	02/QTr-VPĐK
3	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	03/QTr-VPĐK

4	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	04/QTr-VPDK
5	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	05/QTr-VPDK
6	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	06/QTr-VPDK
7	Giá hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	07/QTr-VPDK
8	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	08/QTr-VPDK
9	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	09/QTr-VPDK
10	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	10/QTr-VPDK
11	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	11/QTr-VPDK
12	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	12/QTr-VPDK
13	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	13/QTr-VPDK
14	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	14/QTr-VPDK
15	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	15/QTr-VPDK
16	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	16/QTr-VPDK
17	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	17/QTr-VPDK
18	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	18/QTr-VPDK
19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	19/QTr-VPDK
20	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành	20/QTr-VPDK

	của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có giấy chứng nhận	
21	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	21/QTr-VPĐK
22	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức (trừ doanh nghiệp); thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân	22/QTr-VPĐK
23	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	23/QTr-VPĐK
24	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	24/QTr-VPĐK
25	Đăng ký đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	25/QTr-VPĐK
26	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	26/QTr-VPĐK
27	Cung cấp dữ liệu đất đai tại địa phương	27/QTr-VPĐK
28	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)	28/QTr-VPĐK
29	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	29/QTr-VPĐK
30	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận	30/QTr-VPĐK
31	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu	31/QTr-VPĐK
32	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký	32/QTr-VPĐK
33	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký	33/QTr-VPĐK
34	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	34/QTr-VPĐK
35	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp	35/QTr-VPĐK

	đồng mua bán nhà ở	
36	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	36/QTr-VPĐK
2	Lĩnh vực đất đai (Thanh tra Sở)	
1	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	01/Qtr-TT
II	Lĩnh vực khoáng sản	
1	Cấp, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	01/QTr-KS
2	Đăng ký khai thác khoáng sản vlxdt trong diện tích dự án xdct, bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	02/QTr-KS
3	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	03/QTr-KS
4	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	04/QTr-KS
5	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	05/QTr-KS
6	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	06/QTr-KS
7	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	07/QTr-KS
8	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	08/QTr-KS
9	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản	09/QTr-KS
10	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản	10/QTr-KS
11	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	11/QTr-KS
12	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	12/QTr-KS
13	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	13/QTr-KS
14	Đóng cửa mỏ khoáng sản	14/QTr-KS
15	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	15/QTr-KS
16	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu	16/QTr-KS
17	Trả lại giấy phép khai thác tận thu	17/QTr-KS
III	Lĩnh vực Tài nguyên nước	
1	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	01/QTr-TNN
2	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành	02/QTr-TNN
3	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	03/QTr-TNN

4	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	04/QTr-TNN
5	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm	05/QTr-TNN
6	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	06/QTr-TNN
7	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	07/QTr-TNN
8	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	08/QTr-TNN
9	Lấy ý kiến cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh	09/QTr-TNN
10	Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước	10/QTr-TNN
11	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	11/QTr-TNN
12	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	12/QTr-TNN
13	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	13/QTr-TNN
14	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày-đêm	14/QTr-TNN
15	Cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	15/QTr-TNN
16	Cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm	16/QTr-TNN
17	Cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	17/QTr-TNN
IV	Lĩnh vực Môi trường + Khí tượng thủy văn	
1	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	01/QTr-MT
2	Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	02/QTr-MT
3	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	03/QTr-MT

4	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại	04/QTr-MT
5	Chấp thuận về môi trường (Trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án)	05/QTr-MT
6	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	06/QTr-MT
7	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐCP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP)	07/QTr-MT
8	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	08/QTr-MT
9	Đăng ký xác nhận/dăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	09/QTr-MT
	Lĩnh vực khí tượng thủy văn	
10	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	10/QTr-KTTV
11	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	11/QTr-KTTV
12	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	12/QTr-KTTV
V	Công nghệ thông tin	
1	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	01/QTr-CNTT
2	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	02/QTr-CNTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC KẠN

**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại
Sở Tài nguyên và Môi trường phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO
9001:2015 đối với chức năng nhiệm vụ và giải quyết thủ tục hành chính
áp dụng cho các phòng chuyên môn, đơn vị, công chức, viên chức và
các tổ chức, cá nhân có liên quan**

*(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 379/QĐ-STNMT
Ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bắc Kạn, ngày 23 tháng 10 năm 2020
GIÁM ĐỐC



Nông Văn Kỳ